



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Developing scholarly journals toward Scopus: a capability framework and its application to the Vietnam Journal of Agricultural Sciences

Article info

Type of article:

Scientific information

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.182-194>

*Corresponding author:

Email address:

nvnghia@vnua.edu.vn

Received: 12/08/2026

Received in Revised Form:

03/09/2026

Accepted: 11/09/2026

Nguyen Viet Nghia*, Tran Duc Vien, Pham Van Cuong

Vietnam National University of Agriculture, No.236 Ngo Xuan Quang Street,
Gia Lam Commune, Hanoi, Vietnam

Abstract: Developing scholarly journals toward Scopus requires not only meeting evaluation criteria but also building and sustaining the underlying organizational capabilities. This study aims to develop a capability framework for scholarly journals seeking Scopus indexing and apply it to the Vietnam Journal of Agricultural Sciences (VJAS). The study combines a structured literature search in OpenAlex, synthesis of journal development factors, mapping against Scopus criteria, and a case study approach. The searches retrieved 4,675 initial records, which were reviewed based on bibliographic information, titles, keywords, and abstracts. Six core capabilities were identified: scientific and content capability; editorial governance capability; organizational and publishing operations capability; internationalization capability; digital publishing capability; and scholarly visibility and impact-building capability. Application to VJAS indicates that several foundational capabilities have been relatively well established, while important gaps remain in the quality and diversity of manuscript sources, substantive internationalization, editorial performance, resource sustainability, and scholarly impact. The findings suggest that Scopus indexing should be viewed as an outcome of the long-term development and maturation of journal capabilities rather than merely the fulfillment of a set of evaluation criteria.

Keywords: scientific journals; Scopus; capability framework; VJAS.



Tạp chí điện tử
Khoa học và Công nghệ Giao thông
Trang website: <https://jstt.vn/index.php/vn>



Phát triển tạp chí khoa học hướng tới Scopus: Khung năng lực và áp dụng đối với Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.6.182-194>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

nvnghia@vnua.edu.vn

Ngày nộp bài: 12/08/2026

Ngày nộp bài sửa: 03/09/2026

Ngày chấp nhận: 11/09/2026

Nguyễn Viết Nghĩa*, Trần Đức Viên, Phạm Văn Cường

Học viện Nông nghiệp Việt Nam, số 236 phố Ngô Xuân Quảng, xã Gia Lâm, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt: Phát triển tạp chí khoa học hướng tới Scopus không chỉ là quá trình đáp ứng các tiêu chí đánh giá mà còn đòi hỏi xây dựng và duy trì các năng lực tổ chức nền tảng. Nghiên cứu này nhằm phát triển khung năng lực cho tạp chí khoa học hướng tới Scopus và áp dụng cho Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VJAS). Nghiên cứu kết hợp tìm kiếm tài liệu có cấu trúc trên OpenAlex, tổng hợp các yếu tố phát triển tạp chí, ánh xạ với tiêu chí Scopus và nghiên cứu trường hợp. Các truy vấn thu được 4.675 bản ghi ban đầu, được rà soát dựa trên thông tin thư mục, tiêu đề, từ khóa và tóm tắt. Kết quả xác định sáu nhóm năng lực cốt lõi gồm: khoa học và nội dung; quản trị biên tập; tổ chức và vận hành xuất bản; quốc tế hóa; xuất bản số; và hiển thị, tạo lập ảnh hưởng học thuật. Áp dụng cho VJAS cho thấy tạp chí đã hình thành tương đối rõ một số năng lực nền tảng, nhưng còn khoảng trống về chất lượng và đa dạng nguồn bài, quốc tế hóa thực chất, hiệu suất biên tập, tính bền vững nguồn lực và ảnh hưởng học thuật. Nghiên cứu cho thấy việc được lập chỉ mục Scopus nên được xem là kết quả của quá trình phát triển và trưởng thành năng lực dài hạn của tạp chí.

Từ khóa: Tạp chí khoa học; Scopus; Khung năng lực; VJAS.

1. Mở đầu

Tạp chí khoa học là một bộ phận quan trọng của hệ sinh thái nghiên cứu, vừa thực hiện chức năng công bố và phổ biến tri thức, vừa góp phần kết nối cộng đồng học thuật và nâng cao vị thế khoa học của tổ chức. Trong bối cảnh khoa học ngày càng quốc tế hóa, chất lượng của tạp chí không chỉ được đánh giá qua nội dung công bố mà còn thông qua chính sách biên tập, quy trình phản biện, tính minh bạch và liêm chính xuất bản, tính ổn định, mức độ quốc tế hóa, khả năng hiện diện trực tuyến và ảnh hưởng học thuật [1, 2]. Các hệ thống lập chỉ mục quốc tế như Scopus vì vậy trở thành những

chuẩn tham chiếu quan trọng đối với quá trình phát triển và hội nhập của tạp chí khoa học.

Scopus đánh giá các tạp chí đủ điều kiện theo nhiều nhóm tiêu chí, bao gồm chính sách tạp chí, chất lượng nội dung, vị thế học thuật, tính đều kỳ và khả năng hiện diện trực tuyến; trong đó sự đa dạng địa lý của tác giả và biên tập viên, mức độ được trích dẫn và uy tín của đội ngũ biên tập cũng được xem xét [1]. Tuy nhiên, hướng tới Scopus không chỉ là việc đáp ứng một danh mục tiêu chí tại thời điểm đánh giá. Những kết quả có thể quan sát được như chất lượng công bố, tính ổn định, quốc tế hóa hay ảnh hưởng học thuật đều phụ thuộc vào những khả

năng tổ chức được hình thành và duy trì trong quá trình phát triển của tạp chí.

Theo quan điểm năng lực động (dynamic capabilities), khả năng thích ứng và phát triển bền vững của tổ chức phụ thuộc vào năng lực tích hợp, xây dựng và tái cấu trúc các nguồn lực và quy trình trước những thay đổi của môi trường [3, 4]. Từ góc nhìn này, khả năng đáp ứng và duy trì các chuẩn mực xuất bản quốc tế có thể được xem là kết quả của quá trình phát triển các năng lực nền tảng, thay vì chỉ là sự tuân thủ riêng lẻ từng tiêu chí. Điều này đặc biệt phù hợp với quá trình quốc tế hóa tạp chí, vốn là một khái niệm đa chiều và không thể được phản ánh đầy đủ bằng một chỉ báo đơn lẻ như tỷ lệ tác giả hoặc thành viên ban biên tập quốc tế [5].

Các nghiên cứu trước đây đã xem xét nhiều khía cạnh riêng biệt của sự phát triển tạp chí, như quốc tế hóa, quản trị xuất bản, chất lượng nội dung và ảnh hưởng học thuật. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu một khung tích hợp liên kết các yêu cầu của hệ thống lập chỉ mục với những năng lực tổ chức cần thiết để tạo ra và duy trì các kết quả đó, đặc biệt đối với các tạp chí đang trong quá trình nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế.

Nghiên cứu này nhằm phát triển khung năng lực cho tạp chí khoa học hướng tới Scopus và áp dụng cho Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VJAS). Cụ thể, nghiên cứu: (i) nhận diện và hệ thống hóa các yếu tố có liên quan đến sự phát triển của tạp chí khoa học; (ii) liên kết các yếu tố này với tiêu chí Scopus để xác định các nhóm năng lực cốt lõi; và (iii) áp dụng khung đề xuất nhằm nhận diện các năng lực đã hình thành, khoảng trống và ưu tiên phát triển của VJAS. Qua đó, nghiên cứu đề xuất một cách tiếp cận bổ sung cho đánh giá dựa trên tiêu chí, trong đó việc được lập chỉ mục Scopus được xem là kết quả của quá trình phát triển và trưởng thành năng lực xuất bản trong dài hạn.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng phát triển khung khái niệm dựa trên bằng chứng (evidence-informed conceptual framework development), kết hợp tìm kiếm tài liệu có cấu trúc,

tổng hợp các yếu tố phát triển tạp chí, ánh xạ với tiêu chí Scopus và nghiên cứu trường hợp. Cách tiếp cận này phù hợp với các nghiên cứu nhằm nhận diện và liên kết các khái niệm từ nhiều nguồn tri thức để hình thành một khung phân tích tích hợp [6, 7].

Nghiên cứu gồm bốn bước: (i) tìm kiếm và rà soát các nguồn bằng chứng liên quan đến phát triển tạp chí khoa học; (ii) nhận diện và nhóm hóa các yếu tố phát triển; (iii) đối chiếu các yếu tố này với tiêu chí Scopus để xây dựng khung năng lực; và (iv) áp dụng khung cho VJAS nhằm nhận diện trạng thái phát triển, khoảng trống và các ưu tiên cải thiện.

Quan điểm năng lực động được sử dụng làm lăng kính lý luận, theo đó khả năng thích ứng và phát triển của tổ chức phụ thuộc vào việc tích hợp, tổ chức và tái cấu trúc nguồn lực trước những thay đổi của môi trường [3, 4]. Trong nghiên cứu này, các tiêu chí Scopus được xem là chuẩn tham chiếu bên ngoài, còn khung năng lực tập trung vào những khả năng tổ chức giúp tạp chí tạo ra và duy trì các kết quả đáp ứng các chuẩn mực đó.

2.2. Tìm kiếm và tổng hợp nguồn bằng chứng

OpenAlex được sử dụng làm nguồn dữ liệu thư mục chính. Đây là một cơ sở dữ liệu khoa học mở cung cấp thông tin về công trình, tác giả, nguồn xuất bản, tổ chức và các mối liên kết trong hệ thống khoa học [8]. Chiến lược tìm kiếm sử dụng các nhóm thuật ngữ liên quan đến chất lượng và phát triển tạp chí khoa học, quản trị biên tập, phản biện và liên chính xuất bản, vận hành xuất bản, quốc tế hóa, xuất bản số, khả năng hiển thị và ảnh hưởng học thuật, lập chỉ mục quốc tế và Scopus. Các truy vấn thu được 4.675 bản ghi ban đầu. Các bản ghi được rà soát chủ yếu trên cơ sở thông tin thư mục, tiêu đề, từ khóa và tóm tắt nhằm nhận diện các yếu tố có liên quan đến sự phát triển của tạp chí. Các yếu tố được tổng hợp và nhóm hóa theo sự tương đồng về nội dung, chức năng và vai trò đối với hoạt động xuất bản. Cách tổng hợp này được sử dụng nhằm hỗ trợ việc hình thành khung khái niệm, thay vì thực hiện một tổng quan hệ thống theo nghĩa đánh giá toàn văn và tổng hợp toàn bộ bằng chứng nghiên cứu [6, 7].

2.3. Xây dựng khung năng lực và ánh xạ với tiêu chí Scopus

Các yếu tố được nhận diện từ nguồn bằng chứng được tổng hợp theo chủ đề và nhóm hóa thành các miền năng lực ở cấp độ tổ chức. Việc phân tích tập trung vào các mô hình và nội dung lặp lại có ý nghĩa đối với sự phát triển của tạp chí, phù hợp với nguyên tắc của phân tích chủ đề trong việc nhận diện và tổ chức các mẫu ý nghĩa từ dữ liệu [9].

Các nhóm năng lực sau đó được đối chiếu với các yêu cầu và tiêu chí lựa chọn tạp chí của Scopus. Scopus hiện đánh giá các tạp chí đủ điều kiện theo năm nhóm chính gồm journal policy, content, journal standing, publishing regularity và online availability [1]. Quá trình xây dựng khung được tổ chức theo chuỗi: Chuẩn tham chiếu bên ngoài - Yếu tố phát triển - Năng lực tổ chức - Quy trình/thực hành - Đầu ra và kết quả.

Cấu trúc này nhằm phân biệt giữa năng lực và kết quả thực hiện (performance outcome). Năng lực được hiểu là khả năng của tạp chí trong việc tổ chức và sử dụng nguồn lực để thực hiện các chức năng xuất bản; trong khi các chỉ số như mức độ sử dụng, trích dẫn hoặc uy tín học thuật được xem là kết quả chịu ảnh hưởng của nhiều năng lực khác nhau.

Trên cơ sở tổng hợp và ánh xạ, sáu nhóm năng lực cốt lõi được xác định gồm: (i) năng lực khoa học và nội dung; (ii) năng lực quản trị biên tập; (iii) năng lực tổ chức và vận hành xuất bản; (iv) năng lực quốc tế hóa; (v) năng lực xuất bản số; và (vi) năng lực hiển thị và tạo lập ảnh hưởng học thuật. Nghiên cứu đồng thời sử dụng mô hình trưởng thành gồm năm cấp độ: Hình thành, Đang phát triển, Đã thiết lập, Quốc tế hóa và Phát triển bền vững. Các cấp độ này được sử dụng như một công cụ chẩn đoán, không phải thang đo định lượng đã được kiểm định.

2.4. Áp dụng khung năng lực cho VJAS

Khung năng lực được áp dụng cho VJAS theo phương pháp nghiên cứu trường hợp, phù hợp với cách tiếp cận sử dụng dữ liệu từ nhiều nguồn để phân tích một hiện tượng trong bối cảnh

thực tế cụ thể [10]. Nguồn thông tin gồm các quy định và chính sách xuất bản; thông tin về Ban Biên tập và quy trình phản biện; dữ liệu xuất bản giai đoạn từ năm 2018 đến tháng 6/2026; cơ cấu tác giả và mức độ tham gia quốc tế; hạ tầng xuất bản số; cùng các thông tin hiện có về khả năng hiển thị và ảnh hưởng học thuật.

Đối với từng nhóm năng lực, các bằng chứng được đối chiếu để xác định những thành phần đã hình thành, các hạn chế và khoảng trống cần ưu tiên cải thiện. Các chỉ báo kết quả như quy mô xuất bản, cơ cấu nguồn bài, mức độ tham gia quốc tế và trích dẫn được sử dụng để hỗ trợ diễn giải, nhưng không được đồng nhất với bản thân năng lực.

Do nghiên cứu chưa xây dựng và kiểm định bộ chỉ báo có trọng số, việc áp dụng khung cho VJAS được thực hiện theo hướng đánh giá chẩn đoán dựa trên bằng chứng, thay vì tính điểm tổng hợp. Kết quả được sử dụng để xây dựng hồ sơ năng lực, nhận diện các nút thắt và xác định ưu tiên phát triển của VJAS trong quá trình hướng tới Scopus.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các yêu cầu của Scopus và hàm ý đối với phát triển năng lực tạp chí

Các tiêu chí lựa chọn tạp chí của Scopus bao quát nhiều khía cạnh của hoạt động xuất bản, gồm chính sách tạp chí, chất lượng nội dung, vị thế học thuật, tính đều kỳ và khả năng hiển diện trực tuyến [1]. Bên cạnh các điều kiện nền tảng như ISSN, phản biện, đạo đức xuất bản, thông tin bằng tiếng Anh và khả năng truy cập trực tuyến, quá trình đánh giá còn xem xét chất lượng nội dung, sự đa dạng của tác giả và biên tập viên, mức độ được trích dẫn và uy tín học thuật. Các tiêu chí này chủ yếu phản ánh những đặc điểm và kết quả có thể quan sát được của tạp chí. Để tạo ra và duy trì những kết quả đó, tạp chí cần có các khả năng tổ chức tương ứng về học thuật, quản trị, vận hành, quốc tế hóa và công nghệ. Đây là cơ sở để chuyển từ cách tiếp cận dựa trên danh mục tiêu chí sang cách tiếp cận dựa trên phát triển năng lực.

Quy trình đánh giá của Scopus được thực

hiện thông qua nhiều bước, từ kiểm tra các điều kiện tối thiểu đến đánh giá chuyên sâu bởi Hội đồng Đánh giá và Tư vấn Nội dung Scopus (CSAB). Sau khi đáp ứng các yêu cầu ban đầu, tạp chí được xem xét dựa trên chất lượng nội dung, chính sách xuất bản, uy tín học thuật, tính ổn định trong vận hành và khả năng hiện diện trực tuyến. Kết quả đánh giá có thể là chấp nhận đưa vào Scopus, yêu cầu bổ sung thông tin hoặc đánh giá lại. Quy trình này khẳng định rằng việc được lập chỉ mục quốc tế không chỉ là vấn đề đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, mà còn phản ánh mức độ trưởng thành của hệ thống năng lực xuất bản của tạp chí.

3.2. Khung năng lực phát triển tạp chí khoa học hướng tới Scopus

3.2.1. Xác định các nhóm năng lực cốt lõi

Các truy vấn trên OpenAlex thu được 4.675 bản ghi ban đầu liên quan đến phát triển tạp chí khoa học, chất lượng xuất bản, quản trị biên tập, quốc tế hóa, xuất bản số, lập chỉ mục và ảnh hưởng học thuật. Việc rà soát và tổng hợp các thông tin liên quan cho thấy các yếu tố phát triển tạp chí có thể được nhóm thành sáu miền chức năng chính. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xác định sáu nhóm năng lực cốt lõi gồm:

(i) Năng lực khoa học và nội dung: Nhóm này phản ánh khả năng của tạp chí trong việc xác lập định hướng học thuật, duy trì chất lượng công bố và tạo ra các giá trị tri thức có ý nghĩa đối với cộng đồng nghiên cứu. Đây là năng lực nền tảng quyết định bản sắc khoa học, uy tín và sức hấp dẫn của tạp chí đối với tác giả và độc giả.

(ii) Năng lực quản trị biên tập: Nhóm này thể hiện khả năng tổ chức và kiểm soát toàn bộ quá trình đánh giá, lựa chọn và công bố các công trình khoa học theo các nguyên tắc minh bạch, khách quan và liêm chính học thuật. Nhóm năng lực này bao gồm cơ cấu và vai trò của ban biên tập, quy trình phản biện, chính sách đạo đức xuất bản, xử lý xung đột lợi ích và các cơ chế bảo đảm chất lượng xuất bản.

(iii) Năng lực tổ chức và vận hành xuất bản: Nhóm phản ánh khả năng duy trì hoạt động xuất

bản ổn định, hiệu quả và bền vững thông qua các quy trình quản lý phù hợp, nguồn lực bảo đảm và sự phối hợp giữa các bên liên quan. Đây là điều kiện cần thiết để tạp chí duy trì tính đều kỳ, nâng cao tính chuyên nghiệp và đáp ứng các yêu cầu vận hành trong dài hạn.

(iv) Năng lực quốc tế hóa: thể hiện khả năng kết nối và tham gia của tạp chí trong cộng đồng khoa học quốc tế. Năng lực này không chỉ được phản ánh thông qua việc sử dụng ngôn ngữ quốc tế trong xuất bản mà còn thông qua sự tham gia của các nhà khoa học quốc tế trong ban biên tập, hoạt động phản biện, nguồn tác giả và các mạng lưới hợp tác học thuật.

(v) Năng lực xuất bản số: phản ánh khả năng ứng dụng công nghệ trong quản lý, xuất bản, lưu trữ và phổ biến các công bố khoa học. Các thành phần quan trọng của năng lực này bao gồm nền tảng xuất bản trực tuyến, chuẩn hóa dữ liệu xuất bản, định danh số, khả năng liên thông thông tin và khả năng được các hệ thống thông tin khoa học nhận diện.

(vi) Năng lực hiển thị và ảnh hưởng học thuật: phản ánh khả năng của tạp chí trong việc được nhận diện, tiếp cận và tạo ảnh hưởng trong cộng đồng khoa học. Đây là kết quả tích lũy của các nhóm năng lực khác, thể hiện thông qua khả năng thu hút độc giả, mức độ sử dụng và trích dẫn công bố, cũng như vị thế của tạp chí trong mạng lưới khoa học quốc tế.

Ba nhóm năng lực đầu tạo nền tảng cho chất lượng, tính tin cậy và sự ổn định của hoạt động xuất bản. Năng lực xuất bản số hỗ trợ quản lý, liên thông và phổ biến nội dung; trong khi năng lực quốc tế hóa và năng lực hiển thị, tạo lập ảnh hưởng phản ánh khả năng mở rộng kết nối của tạp chí với cộng đồng khoa học bên ngoài. Các nhóm năng lực không tồn tại độc lập mà có quan hệ tương tác và bổ trợ lẫn nhau.

3.2.2. Ánh xạ tiêu chí Scopus với năng lực, thực hành và kết quả

Kết quả ánh xạ cho thấy các yêu cầu bên ngoài của Scopus có thể được liên kết với những năng lực tổ chức và thực hành xuất bản cụ thể.

Đồng thời, cần phân biệt giữa năng lực và kết quả thực hiện. Những chỉ số như mức độ sử dụng, trích dẫn hay uy tín học thuật là kết quả chịu ảnh hưởng của nhiều năng lực, chứ không phải bản thân năng lực nội tại của tạp chí. Do đó, quá trình hướng tới Scopus cần được tiếp cận như một quá trình phát triển năng lực tổ chức toàn diện, thay vì chỉ là việc hoàn thành một danh mục yêu cầu kỹ thuật tại một

thời điểm cụ thể. Bảng 1 thể hiện ma trận ánh xạ giữa các nhóm tiêu chí đánh giá của Scopus với sáu nhóm năng lực tổ chức tương ứng, gắn liền với các quy trình thực hành và kết quả đầu ra cốt lõi. Cách tiếp cận này làm rõ mối liên hệ hữu cơ giữa chuẩn tham chiếu bên ngoài và năng lực nội tại, giúp định hình lộ trình phát triển toàn diện và bền vững cho tạp chí.

Bảng 1. Ánh xạ nhóm tiêu chí Scopus với các nhóm năng lực tổ chức và kết quả

Nhóm tiêu chí	Năng lực tương ứng	Quy trình, thực hành chủ yếu	Đầu ra/kết quả phản ánh
Phạm vi và chất lượng nội dung	Khoa học và nội dung	Xác lập phạm vi; lựa chọn và kiểm soát chất lượng bài	Chất lượng, tính mới và mức độ phù hợp của công bố
Biên tập, phản biện, đạo đức và minh bạch	Quản trị biên tập	Phản biện; ra quyết định; quản lý xung đột lợi ích; liêm chính xuất bản	Tính minh bạch, khách quan và tin cậy của quy trình
Tính đều kỳ và ổn định xuất bản	Tổ chức và vận hành xuất bản	Quản lý dòng bài; nhân lực; nguồn lực; kiểm soát tiến độ	Xuất bản đúng hạn và duy trì hoạt động ổn định
Sự tham gia của cộng đồng khoa học quốc tế	Quốc tế hóa	Phát triển mạng lưới tác giả, biên tập viên và phản biện viên quốc tế	Đa dạng địa lý và mức độ tham gia quốc tế
Khả năng truy cập và liên thông dữ liệu	Xuất bản số	Nền tảng xuất bản; DOI; metadata; định danh; lưu trữ	Khả năng truy cập, phát hiện và liên thông thông tin
Mức độ nhận diện và ảnh hưởng học thuật	Hiện thị và tạo lập ảnh hưởng học thuật	Tối ưu khả năng phát hiện; phổ biến công bố; phát triển mạng lưới học thuật	Mức độ sử dụng, trích dẫn, nhận diện và vị thế học thuật

3.2.3. Mô hình trưởng thành năng lực

Để hỗ trợ đánh giá trạng thái phát triển và xác định lộ trình cải thiện, nghiên cứu đề xuất năm mức trưởng thành gồm: Hình thành (Emerging), Đang phát triển (Developing), Đã thiết lập (Established), Quốc tế hóa (Internationalized) và Phát triển bền vững (Sustainable). Ở mức Hình thành, các cấu phần năng lực mới được thiết lập và chưa được chuẩn hóa đầy đủ. Mức Đang phát triển phản ánh giai đoạn các quy trình và nguồn lực đang từng bước hoàn thiện. Ở mức Đã thiết lập, các cấu phần nền tảng đã được chuẩn hóa và vận hành tương đối ổn định. Mức Quốc tế hóa thể hiện sự tham gia thực

chất hơn của cộng đồng khoa học quốc tế và sự mở rộng hiện diện học thuật. Mức Phát triển bền vững phản ánh khả năng duy trì chất lượng, thích ứng và cải tiến liên tục trong môi trường xuất bản quốc tế. Các mức trưởng thành được sử dụng như một “khung chẩn đoán”, không phải thang điểm định lượng đã được kiểm định.

Như vậy, khung năng lực được đề xuất cho phép chuyển đổi các yêu cầu đánh giá bên ngoài thành các mục tiêu phát triển năng lực cụ thể, qua đó hỗ trợ các tạp chí xây dựng chiến lược cải tiến có hệ thống và phù hợp với bối cảnh phát triển của từng tổ chức.

3.3. Áp dụng khung năng lực đối với VJAS

3.3.1. Hiện trạng của tạp chí

Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam là cơ quan báo chí khoa học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, là ấn phẩm được định hướng phát triển theo tiêu chuẩn quốc tế và hướng tới đề xuất gia nhập Scopus.

Phạm vi khoa học của VJAS mang tính liên ngành, bao gồm các lĩnh vực chính như khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, thủy sản, công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, kỹ thuật nông nghiệp, tài nguyên - môi trường, kinh tế, xã hội và phát triển nông thôn. Trong 270 bài báo đã công bố, có 250 bài nghiên cứu và các loại hình chuyên môn khác, cùng 20 bài tổng quan hoặc tổng quan ngắn. Cơ cấu 250 bài không thuộc nhóm tổng quan cho thấy sự phân bố tương đối cân bằng giữa các lĩnh vực, trong đó kinh tế, xã hội và phát triển nông thôn chiếm 23,6%; kỹ thuật và công nghệ 23,2%; chăn nuôi, thú y và thủy sản 21,2%; nông học và khoa học cây trồng 20,4%; tài nguyên và môi trường 11,6%. Cơ cấu này cho thấy tạp chí duy trì phạm vi chuyên môn tương đối rộng, phù hợp với định hướng nghiên cứu và đào tạo của Học viện.

Về năng lực quản trị và vận hành xuất bản, VJAS đã xây dựng các nền tảng quan trọng của một hệ thống xuất bản hiện đại, bao gồm phản biện kín hai chiều, quản lý bản thảo trên hệ thống OJS và cấp DOI thông qua Crossref. Quy định hoạt động năm 2026 đã cập nhật nhiều nội dung theo thông lệ quốc tế như đạo đức và liêm chính xuất bản, xung đột lợi ích, đóng góp tác giả, sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu nghiên cứu, truy cập mở, metadata và bảo tồn số. Tuy nhiên, một số nội dung giữa quy định nội bộ, website và thực tiễn vận hành cần tiếp tục được chuẩn hóa, đặc biệt liên quan đến chính sách đạo đức, phản biện, giấy phép sử dụng, metadata và quản lý dữ liệu. Giai đoạn 2018-6/2026, VJAS đã xuất bản 34 số với 270 bài báo. Giai đoạn 2018-2025, tạp chí duy trì ổn định 4 số/năm, trung bình 31 bài/năm và khoảng 7,8 bài/số. Kết quả này cho thấy VJAS đã duy trì được tính ổn định trong hoạt động xuất bản, đáp

ứng yêu cầu nền tảng về tính liên tục và khả năng vận hành.

Về quốc tế hóa nguồn bài, 61/270 bài (22,6%) có ít nhất một tác giả quốc tế, với khoảng 152 lượt tác giả thuộc 26 quốc gia. Bên cạnh đó, 142/270 bài (52,6%) có ít nhất một tác giả ngoài Học viện; tương ứng 128 bài (47,4%) thuộc nhóm tác giả hoàn toàn trong Học viện. Kết quả cho thấy nguồn bài đã mở rộng ra ngoài đơn vị chủ quản, nhưng mức độ tập trung theo tổ chức vẫn còn đáng kể.

Ban Biên tập hiện có 35 thành viên học thuật, trong đó 19 người ngoài Việt Nam, chiếm 54,3%. Đây là nền tảng thuận lợi cho quốc tế hóa, nhưng số liệu về cơ cấu thành viên chưa phản ánh đầy đủ mức độ tham gia thực tế của các thành viên quốc tế trong xử lý bản thảo, phản biện hoặc phát triển nguồn bài.

Bảng 2 và Hình 1 tổng hợp các chỉ số vận hành nền tảng cũng như diễn biến xuất bản của VJAS trong giai đoạn 2018–2026, phản ánh quy mô hoạt động, hạ tầng số và mức độ đa dạng hóa quốc tế của tạp chí, cung cấp cơ sở thực chứng về mức độ ổn định trong xuất bản định kỳ, đồng thời làm rõ xu hướng tham gia của tác giả quốc tế.

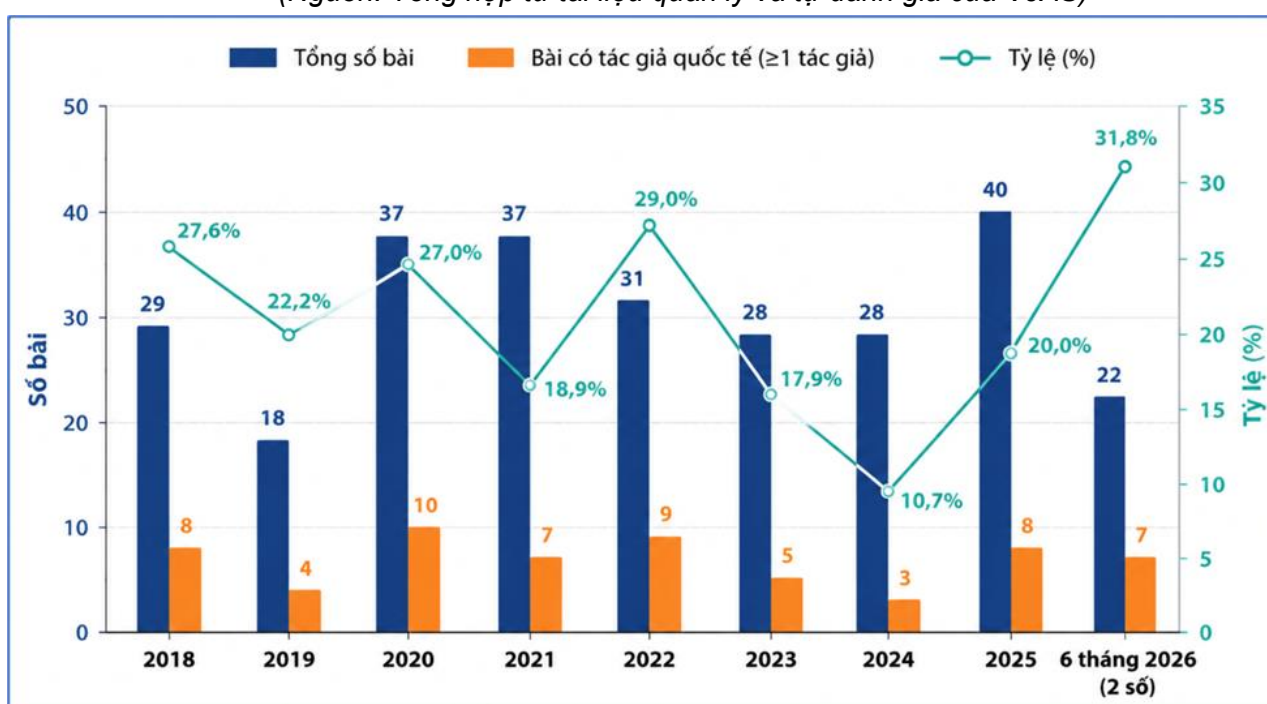
Về hạ tầng xuất bản, VJAS đã sử dụng website, OJS, OAI-PMH và DOI/Crossref, đồng thời vận hành theo mô hình truy cập mở. Các quy định năm 2026 đã bổ sung nhiều nội dung liên quan đến đạo đức và liêm chính xuất bản, xung đột lợi ích, đóng góp tác giả, sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu nghiên cứu, metadata và bảo tồn số. Tuy nhiên, một số nội dung giữa quy định nội bộ, website và thực tiễn vận hành vẫn cần tiếp tục được chuẩn hóa.

Kết quả này cho thấy VJAS đã chuyển từ một kênh công bố chủ yếu phục vụ cộng đồng nội bộ sang một tạp chí có sự tham gia rộng hơn của cộng đồng khoa học bên ngoài. Tuy nhiên, để nâng cao mức độ quốc tế hóa, cần chuyển trọng tâm từ mở rộng cơ cấu tác giả sang tăng cường sự tham gia thực chất của cộng đồng học thuật quốc tế thông qua ban biên tập, phản biện viên, hợp tác nghiên cứu và mạng lưới trích dẫn.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu chính phản ánh hiện trạng phát triển của VJAS

Chỉ tiêu	Hiện trạng
Ngôn ngữ xuất bản	Tiếng Anh
Tần suất xuất bản	4 số/năm
Tổng số bài, số đã xuất bản	270 bài; 34 số
ISSN/e-ISSN	2588-1299 / 3030-4520
Hình thức phản biện	Phản biện kín hai chiều
Bài có tác giả quốc tế	61/270 bài, chiếm 22,6%
Phạm vi tác giả quốc tế	26 quốc gia
Ban Biên tập	35 nhân sự học thuật; 19 người bên ngoài Việt Nam, chiếm 54,3%
Hạ tầng xuất bản	Website, OJS, OAI-PMH, DOI/Crossref
Mô hình tiếp cận	Truy cập mở

(Nguồn: Tổng hợp từ tài liệu quản lý và tự đánh giá của VJAS)

**Hình 1.** Số bài xuất bản và tỷ lệ bài có tác giả quốc tế giai đoạn 2018-2026 (đến tháng 6/2026)

3.3.2. Hồ sơ năng lực và các khoảng trống phát triển

Áp dụng khung năng lực cho thấy VJAS đã hình thành tương đối rõ một số năng lực nền tảng, nhưng mức độ phát triển chưa đồng đều và một số chiều quan trọng còn thiếu dữ liệu để đánh giá đầy đủ. Bảng 3 tổng hợp kết quả đối chiếu giữa các minh chứng thực tế và những khoảng trống phát triển của VJAS theo sáu nhóm năng lực cốt lõi.

Kết quả đánh giá theo các nhóm năng lực cho thấy quản trị biên tập, vận hành xuất bản và xuất bản số là những nhóm năng lực đã có nền tảng tương đối rõ. Tuy nhiên, các bằng chứng hiện

có chưa đủ để khẳng định các năng lực này đã đạt mức trưởng thành cao, đặc biệt khi chưa có các chỉ báo về thời gian xử lý bản thảo, tỷ lệ từ chối, hiệu suất phản biện, nhân lực chuyên trách và tính bền vững về nguồn lực. Đối với quốc tế hóa, VJAS đã đạt được sự đa dạng nhất định về tác giả và cơ cấu Ban Biên tập, nhưng khoảng cách giữa quốc tế hóa về cơ cấu và quốc tế hóa về hoạt động vẫn cần được làm rõ. Việc theo dõi sự tham gia thực tế của biên tập viên, phản biện viên và tác giả quốc tế sẽ cung cấp bằng chứng tốt hơn về mức độ hội nhập của tạp chí. Hiện thị và tạo lập ảnh hưởng học thuật là lĩnh vực hiện còn thiếu bằng chứng

nhất. Các hạ tầng số đã tạo điều kiện cho nội dung được truy cập và phát hiện, nhưng chưa có phân tích đầy đủ về tổng số trích dẫn, tỷ lệ bài được trích dẫn, xu hướng trích dẫn hoặc mạng lưới ảnh hưởng. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để xác định mức trưởng thành cao đối với nhóm năng lực này.

Tổng hợp các bằng chứng cho thấy VJAS có thể được ghi nhận đã đạt trạng thái “Đã thiết lập” đối với các nhóm năng lực nền tảng. Do đó, chiến

lược phát triển trong giai đoạn tiếp theo cần chuyển từ việc hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật sang xây dựng năng lực tạo lập chất lượng và ảnh hưởng học thuật bền vững. Ba ưu tiên nổi bật trong giai đoạn tiếp theo là: (i) nâng cao chất lượng và đa dạng hóa nguồn bài; (ii) chuyển quốc tế hóa từ cơ cấu sang sự tham gia thực chất; và (iii) tăng cường khả năng hiển thị, sử dụng và tạo ảnh hưởng học thuật.

Bảng 3. Đánh giá theo sáu nhóm năng lực của VJAS

Nhóm năng lực	Bằng chứng hiện có	Khoảng trống cần ưu tiên
Khoa học và nội dung	Phạm vi khoa học rõ; xuất bản ổn định; cơ cấu lĩnh vực đa dạng	Chưa có đủ chỉ báo về chất lượng nguồn bài, tỷ lệ từ chối và ảnh hưởng khoa học của nội dung
Quản trị biên tập	Phản biện kín hai chiều; có hệ thống chính sách về đạo đức, liên chính và quy trình xuất bản	Cần đồng bộ quy định với website và thực tiễn; thiếu dữ liệu về thời gian xử lý, hiệu suất phản biện và hoạt động thực tế của Ban Biên tập
Tổ chức và vận hành xuất bản	Duy trì 4 số/năm; vận hành liên tục; quản lý bản thảo qua OJS	Chưa có đủ thông tin về hiệu suất vận hành, nhân lực chuyên trách và tính bền vững của nguồn lực, tài chính
Quốc tế hóa	22,6% bài có tác giả quốc tế; tác giả từ 26 quốc gia; 54,3% Ban Biên tập ngoài Việt Nam	Mức độ tham gia quốc tế chưa đồng đều; thiếu dữ liệu về phản biện viên quốc tế và hoạt động thực chất của thành viên Ban Biên tập; tỷ lệ bài hoàn toàn nội bộ còn đáng kể
Xuất bản số	Website, OJS, OAI-PMH, DOI/Crossref, truy cập mở	Cần tiếp tục chuẩn hóa metadata, định danh, liên thông và bảo tồn số
Hiển thị và tạo lập ảnh hưởng học thuật	Có hạ tầng hỗ trợ truy cập và phát hiện nội dung	Chưa có phân tích hệ thống về trích dẫn, mức độ sử dụng và mạng lưới ảnh hưởng học thuật

4. Thảo luận

4.1. Từ đáp ứng tiêu chí đến phát triển năng lực tạp chí

Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình hướng tới Scopus không nên chỉ được xem là việc đáp ứng một danh mục tiêu chí tại thời điểm đánh giá, mà cần được tiếp cận như quá trình hình thành và duy trì các năng lực tổ chức giúp tạp chí tạo ra những kết quả phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Các tiêu chí Scopus phản ánh những đặc điểm có thể quan sát được về chính sách, chất lượng nội dung, vị thế học thuật, tính đều kỳ và khả năng hiện diện trực tuyến [1]. Tuy nhiên, việc duy trì các kết quả đó phụ thuộc vào những năng lực bên trong

về học thuật, quản trị, vận hành, công nghệ và kết nối học thuật.

Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm năng lực động, theo đó khả năng thích ứng và phát triển của tổ chức phụ thuộc vào khả năng tích hợp, tổ chức và tái cấu trúc nguồn lực trước những thay đổi của môi trường [3, 4]. Đối với tạp chí khoa học, điều này hàm ý rằng việc đáp ứng tiêu chí tại một thời điểm chưa bảo đảm khả năng duy trì chất lượng trong dài hạn; quan trọng hơn là khả năng liên tục điều chỉnh quy trình, nguồn lực và mạng lưới học thuật để thích ứng với các chuẩn mực xuất bản đang thay đổi.

Một đóng góp của khung đề xuất là phân biệt

giữa năng lực và kết quả thực hiện. Chẳng hạn, số lượt trích dẫn, mức độ sử dụng hoặc uy tín học thuật không phải là năng lực nội tại, mà là kết quả chịu tác động đồng thời của chất lượng nội dung, khả năng phát hiện công bố, quốc tế hóa mạng lưới và hoạt động phổ biến khoa học. Việc phân biệt này giúp tránh đánh đồng giữa khả năng tổ chức và những kết quả mà tổ chức tạo ra, đồng thời cho phép sử dụng các chỉ số kết quả như bằng chứng để đánh giá hiệu quả của hệ thống năng lực.

Do đó, khung năng lực được đề xuất trong nghiên cứu này bổ sung một góc nhìn mới cho các phương pháp đánh giá hiện hành. Thay vì chỉ trả lời câu hỏi liệu một tạp chí có đáp ứng tiêu chí Scopus hay không, khung này giúp giải thích quá trình phát triển cần thiết để một tạp chí có thể đạt được và duy trì chuẩn mực quốc tế.

4.2. Quốc tế hóa: Từ cơ cấu đến sự tham gia thực chất

Trường hợp VJAS cho thấy tạp chí đã tạo lập được một số điều kiện thuận lợi cho quốc tế hóa, thể hiện qua sự tham gia của tác giả từ nhiều quốc gia và tỷ lệ thành viên Ban Biên tập ngoài Việt Nam tương đối cao. Tuy nhiên, quốc tế hóa tạp chí là một khái niệm đa chiều và không thể được đánh giá đầy đủ chỉ bằng một chỉ số như tỷ lệ tác giả hoặc thành viên ban biên tập quốc tế. Buela-Casal và cộng sự (2006) cho rằng mức độ quốc tế hóa của tạp chí cần được xem xét thông qua nhiều chiều, bao gồm nguồn gốc tác giả, thành phần ban biên tập, phạm vi độc giả, ngôn ngữ, mạng lưới hợp tác và mức độ ảnh hưởng quốc tế [5].

Theo cách tiếp cận này, khoảng trống đáng chú ý của VJAS nằm giữa quốc tế hóa về cơ cấu và quốc tế hóa về hoạt động. Tỷ lệ thành viên Ban Biên tập quốc tế cao mới phản ánh sự hiện diện về mặt tổ chức; để thể hiện năng lực quốc tế hóa thực chất cần có thêm bằng chứng về mức độ tham gia của các thành viên này trong xử lý bản thảo, phản biện, phát triển số chuyên đề, thu hút nguồn bài và kết nối mạng lưới học thuật. Tương tự, tỷ lệ bài có đồng tác giả quốc tế cần được xem xét cùng với tính đa dạng, tính ổn định và mức độ độc lập của nguồn bài quốc tế.

Cơ cấu nguồn bài của VJAS cũng cho thấy nhu cầu tiếp tục mở rộng cộng đồng tác giả ngoài đơn vị chủ quản. Tỷ lệ bài hoàn toàn thuộc nhóm tác giả trong Học viện vẫn còn đáng kể. Điều này không tự thân chứng minh thiên lệch trong biên tập, nhưng cho thấy mức độ phụ thuộc tương đối lớn vào nguồn bài nội bộ. Trong khi đó, Scopus xem xét sự phân bố địa lý rộng của cả tác giả và biên tập viên như một thành phần của journal policy [1]. Vì vậy, ưu tiên tiếp theo của VJAS không nên chỉ là giảm tỷ trọng nguồn bài nội bộ theo một ngưỡng cơ học, mà là mở rộng và nâng cao tính cạnh tranh của nguồn bản thảo, bảo đảm quyết định biên tập dựa trên giá trị học thuật và tính phù hợp với phạm vi tạp chí. Nguyên tắc này cũng phù hợp với các chuẩn mực về minh bạch và thực hành xuất bản tốt, trong đó quyết định biên tập phải dựa trên giá trị học thuật thay vì nguồn gốc của tác giả [2].

4.3. Năng lực vận hành, nguồn lực và tính bền vững

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy phát triển tạp chí hướng tới chuẩn quốc tế không chỉ là vấn đề học thuật mà còn là bài toán về nhân lực, tài chính và hạ tầng tổ chức. Duy trì phản biện có chất lượng, biên tập tiếng Anh, quản lý dòng bản thảo, kiểm soát liên chính, chuẩn hóa metadata, vận hành nền tảng số và phát triển mạng lưới quốc tế đều đòi hỏi nguồn lực ổn định. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng đối với các tạp chí truy cập mở do trường đại học hoặc tổ chức nghiên cứu bảo trợ. Nghiên cứu quy mô lớn về các tạp chí Diamond Open Access cho thấy nhiều tạp chí loại này có thể mạnh về cộng đồng học thuật nhưng đồng thời gặp các thách thức đáng kể về tổ chức, kỹ thuật, nguồn nhân lực và tính ổn định của nguồn tài chính [11]. Vì vậy, tính bền vững tài chính và khả năng duy trì đội ngũ chuyên môn cần được xem là một bộ phận của năng lực tổ chức và vận hành xuất bản, thay vì chỉ là điều kiện hỗ trợ bên ngoài.

Đối với VJAS, việc duy trì 4 số/năm trong nhiều năm là bằng chứng về tính liên tục của xuất bản, nhưng chưa đủ để kết luận năng lực vận hành đã trưởng thành. Đánh giá đầy đủ hơn cần bổ sung

các chỉ báo như thời gian từ khi nộp bài đến quyết định đầu tiên, thời gian từ chấp nhận đến xuất bản, tỷ lệ từ chối, khả năng huy động phản biện, tỷ lệ hoàn thành phản biện đúng hạn, khối lượng công việc của biên tập viên và nguồn lực dành cho biên tập ngôn ngữ, công nghệ và phổ biến khoa học.

Bên cạnh đó, các chuẩn mực xuất bản hiện đại ngày càng yêu cầu sự minh bạch không chỉ về phản biện và đạo đức xuất bản mà còn về quyền sở hữu, mô hình kinh doanh, phí tác giả, bản quyền, giấy phép và quản trị tạp chí [2]. Do đó, chiến lược hướng tới Scopus cần gắn với một mô hình vận hành dài hạn, trong đó nguồn lực được bảo đảm cho các chức năng trực tiếp tạo ra chất lượng và khả năng hội nhập, thay vì chỉ tập trung nguồn lực cho thời điểm chuẩn bị và nộp hồ sơ.

4.4. Từ hiện diện số đến khả năng tạo lập ảnh hưởng học thuật

VJAS đã có những cấu phần quan trọng của hạ tầng xuất bản số như website, OJS, DOI/Crossref và OAI-PMH. Tuy nhiên, có hạ tầng số không đồng nghĩa với có ảnh hưởng học thuật. Khả năng được phát hiện và kết nối của công bố phụ thuộc đáng kể vào chất lượng và mức độ đầy đủ của metadata. Crossref nhấn mạnh rằng metadata chính xác, đầy đủ và được cập nhật giúp tăng khả năng phát hiện và kết nối nội dung trong hệ sinh thái học thuật [12].

Truy cập mở cũng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng công bố. Phân tích quy mô lớn của Piwowar et al. (2018) cho thấy các bài báo truy cập mở có mức độ tiếp cận rộng và, sau khi kiểm soát tuổi bài và lĩnh vực, có xu hướng nhận nhiều trích dẫn hơn trung bình. Tuy nhiên, truy cập mở chỉ tạo điều kiện cho khả năng hiển thị; ảnh hưởng học thuật cuối cùng vẫn phụ thuộc vào chất lượng, tính phù hợp và khả năng được cộng đồng khoa học sử dụng [13].

Vì vậy, đối với VJAS, chiến lược phát triển năng lực này cần vượt ra ngoài việc duy trì website và cấp DOI. Các ưu tiên gồm nâng cao chất lượng metadata và tài liệu tham khảo; tăng liên kết với định danh tác giả, tổ chức và tài trợ; bảo đảm khả năng lập chỉ mục và phát hiện; lựa chọn và phát

triển các chủ đề có khả năng thu hút cộng đồng nghiên cứu rộng hơn; và theo dõi có hệ thống các chỉ báo sử dụng và trích dẫn.

Việc sử dụng các chỉ số trắc lượng thư mục cũng cần được thực hiện thận trọng. Hicks et al. (2015) nhấn mạnh rằng các chỉ số định lượng cần được diễn giải trong bối cảnh chuyên ngành và kết hợp với đánh giá định tính, thay vì trở thành mục tiêu tự thân [14]. Theo đó, số lượt trích dẫn, tỷ lệ bài được trích dẫn hoặc các chỉ số tương tự nên được sử dụng như kết quả phản ánh hiệu quả của hệ thống năng lực, chứ không phải tiêu chí duy nhất để đánh giá chất lượng VJAS.

4.5. Hàm ý quản trị đối với VJAS

Từ kết quả nghiên cứu có thể xác định ba hướng ưu tiên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Thứ nhất, VJAS cần nâng cao chất lượng và đa dạng hóa nguồn bài, chuyển từ việc duy trì đủ sản lượng xuất bản sang xây dựng một nguồn bản thảo đủ rộng để tạo điều kiện lựa chọn dựa trên chất lượng. Thứ hai, quốc tế hóa cần chuyển từ các chỉ báo cơ cấu sang sự tham gia thực chất, được thể hiện qua hoạt động của biên tập viên, phản biện viên, tác giả và mạng lưới hợp tác quốc tế. Thứ ba, tạp chí cần phát triển đồng thời năng lực xuất bản số và năng lực tạo lập ảnh hưởng, trong đó metadata, khả năng phát hiện, phổ biến khoa học và theo dõi trích dẫn được quản lý như một chuỗi liên tục.

Ba hướng ưu tiên này chỉ có thể duy trì khi được hỗ trợ bởi năng lực quản trị và nguồn lực đủ ổn định. Vì vậy, lộ trình hướng tới Scopus cần được tích hợp với chiến lược phát triển dài hạn của tạp chí, thay vì được tổ chức như một dự án ngắn hạn nhằm hoàn thành hồ sơ. Theo cách tiếp cận này, việc được lập chỉ mục Scopus là kết quả của quá trình trưởng thành năng lực, không phải điểm kết thúc của quá trình phát triển tạp chí.

4.6. Hạn chế của nghiên cứu và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu còn có một số hạn chế nhất định, như: (1) Khung năng lực mới chỉ được xây dựng từ tìm kiếm và tổng hợp nguồn bằng chứng có cấu trúc từ cơ sở dữ liệu OpenAlex mà chưa đi sâu vào phân tích nội dung toàn văn chi tiết, do đó tập bằng

chúng có thể chưa bao quát được toàn bộ tài liệu liên quan; (2) Quá trình thử nghiệm áp dụng khung năng lực hiện mới chỉ được áp dụng cho trường hợp của VJAS, nên mức độ chắc chắn và phổ quát có thể còn hạn chế; (3) Một số dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá VJAS chưa được thu thập hoặc phân tích đầy đủ, như: hiệu suất phản biện, mức độ tham gia thực tế của thành viên Ban Biên tập quốc tế, dữ liệu sử dụng và trích dẫn, cũng như nguồn lực tài chính và nhân lực. Vì vậy, kết quả áp dụng khung nên được xem là đánh giá chẩn đoán ban đầu, không phải phép đo tuyệt đối về mức độ sẵn sàng của VJAS đối với Scopus.

Các nghiên cứu tiếp theo nên tập trung vào phát triển bộ chỉ báo vận hành cho từng nhóm năng lực và kiểm định khung trên nhiều tạp chí có mức độ phát triển khác nhau. Việc bổ sung phân tích trắc lượng thư mục, dữ liệu hiệu suất biên tập và đối sánh với các tạp chí đã được Scopus lập chỉ mục sẽ giúp kiểm định rõ hơn mối quan hệ giữa năng lực tổ chức, hiệu suất xuất bản và ảnh hưởng học thuật, đồng thời nâng cao khả năng ứng dụng của khung trong quản trị và hoạch định chiến lược phát triển tạp chí.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã phát triển một khung năng lực cho tạp chí khoa học hướng tới Scopus, trong đó các tiêu chí của Scopus được xem là chuẩn tham chiếu bên ngoài, còn khả năng đáp ứng và duy trì các chuẩn mực này phụ thuộc vào hệ thống năng lực tổ chức của tạp chí. Sáu nhóm năng lực cốt lõi được xác định gồm: khoa học và nội dung; quản trị biên tập; tổ chức và vận hành xuất bản; quốc tế hóa; xuất bản số; và hiển thị, tạo lập ảnh hưởng học thuật. Khung đề xuất đồng thời phân biệt giữa năng lực, quy trình thực hiện và các kết quả đầu ra như mức độ sử dụng, trích dẫn và ảnh hưởng học thuật.

Áp dụng cho VJAS cho thấy tạp chí đã hình thành tương đối rõ một số năng lực nền tảng về quản trị biên tập, vận hành và xuất bản số, nhưng mức độ phát triển giữa các nhóm năng lực chưa đồng đều. Các khoảng trống đáng chú ý tập trung ở chất lượng và tính đa dạng của nguồn bài, quốc

tế hóa theo hướng tham gia thực chất, hiệu suất biên tập, tính bền vững của nguồn lực và khả năng tạo lập ảnh hưởng học thuật. Vì vậy, VJAS có thể được xem là đã đạt trạng thái Đã thiết lập đối với một số năng lực nền tảng, nhưng chưa đủ bằng chứng để khẳng định toàn bộ hệ thống đã đạt mức Quốc tế hóa.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hướng tới Scopus cần được tiếp cận như một quá trình phát triển năng lực dài hạn, thay vì chỉ hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật tại thời điểm nộp hồ sơ. Theo cách tiếp cận này, được lập chỉ mục Scopus là một kết quả của quá trình trưởng thành và cải tiến liên tục của tạp chí, không phải điểm kết thúc của quá trình phát triển.

Tuyên bố về việc sử dụng AI tạo sinh

Trong quá trình chuẩn bị bài viết, các tác giả sử dụng ChatGPT (OpenAI) nhằm cải thiện khả năng diễn đạt ngôn ngữ của bản thảo. Sau khi sử dụng công cụ này, các tác giả đã rà soát, đồng thời chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung của bài báo.

Tài liệu tham khảo

- [1] Elsevier. (2026). Scopus content policy and selection. <https://www.elsevier.com/products/scopus/content/content-policy-and-selection> (Truy cập ngày 26/8/2026)
- [2] Committee on Publication Ethics (COPE), Directory of Open Access Journals (DOAJ), Open Access Scholarly Publishing Association (OASPA), World Association of Medical Editors (WAME). (2022). Principles of transparency and best practice in scholarly publishing (Version 4). <https://doi.org/10.24318/cope.2019.1.12>.
- [3] C.E. Helfat, S. Finkelstein, W. Mitchell, M.A. Peteraf, H. Singh, D.J. Teece, S.G. Winter. (2007). Dynamic Capabilities: Understanding Strategic Change in Organizations. *Blackwell Publishing*.
- [4] D.J. Teece, G. Pisano, A. Shuen. (2008). Dynamic capabilities and strategic management, Technological Know-How, Organizational Capabilities, and Strategic

- Management., 27-52. https://doi.org/10.1142/9789812834478_0002.
- [5] G. Buéla-Casal, P. Perakakis, M. Taylor, P. Checa. (2006). Measuring internationality: Reflections and perspectives on academic journals, *Scientometrics*, 67, 45–65. <https://doi.org/10.1007/s11192-006-0050-z>.
- [6] Y. Jabareen. (2009). Building a Conceptual Framework: Philosophy, Definitions, and Procedure, *International Journal of Qualitative Methods*, 8. <https://doi.org/10.1177/160940690900800406>.
- [7] G. Paré, M.-C. Trudel, M. Jaana, S. Kitsiou. (2015). Synthesizing information systems knowledge: A typology of literature reviews, *Information & Management*, 52(2), 183-199. <https://doi.org/10.1016/j.im.2014.08.008>.
- [8] J. Priem, H. Piwowar, R. Orr. (2022). OpenAlex: A fully-open index of scholarly works, authors, venues, institutions, and concepts, *arXiv*, 2205.01833. <https://doi.org/10.48550/arXiv.2205.01833>.
- [9] V. Braun, V. Clarke. (2006). Using thematic analysis in psychology, *Qual. Res. Psychol.* 3 (2), 77–101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp0630a>.
- [10] R.K. Yin. (2018). Case Study Research and Applications: Design and Methods, 6th ed., *SAGE Publications*, Thousand Oaks, CA.
- [11] J. Bosman, J.E. Frantsvåg, B. Kramer, P.-C. Langlais, V. Proudman. (2021). *OA Diamond Journals Study. Part 1: Findings*, Zenodo. <https://doi.org/10.5281/zenodo.4558704>.
- [12] Crossref. Metadata best practices, Crossref. <https://www.crossref.org/documentation/principles-practices/best-practices/> (Truy cập ngày 26/8/2026).
- [13] H. Piwowar, J. Priem, V. Larivière, J.P. Alperin, L. Matthias, B. Norlander, A. Farley, J. West, S. Haustein. (2018). The state of OA: A large-scale analysis of the prevalence and impact of Open Access articles, *PeerJ* 6, e4375. <https://doi.org/10.7717/peerj.4375>.
- [14] D. Hicks, P. Wouters, L. Waltman, S. de Rijcke, I. Rafols. (2015). Bibliometrics: The Leiden Manifesto for research metrics, *Nature* 520 (2015) 429–431. <https://doi.org/10.1038/520429a>.